

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 814/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19/6/2023

V/v Ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tý

2. Bà Bùi Diệu Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Tiệp, cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thương Thương, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1673/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 134/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Âu Chí C; Sinh năm: 19xx;

Địa chỉ thường trú: 133/41A Văn Thân, Phường 8, Quận X, Thành phố Z.

Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn N.V, Sinh năm: 19xx;

Địa chỉ thường trú: 133/41A Văn Thân, Phường 8, Quận X, Thành phố Z.

Địa chỉ tạm trú: 1/1 Chiến Lược, phường B, quận X, Thành phố Z

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 29 tháng 8 năm 2022 của ông Âu Chí C và bản tự khai của đương sự tại tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn ông Âu Chí C trình bày: Ông và bà Nguyễn N.V có thời gian tìm hiểu mới tự nguyện tổ chức đám cưới. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 17 tháng 6 năm 2011.

Trong cuộc sống hôn nhân, giữa ông và bà V quá khác biệt quan điểm sống, quan điểm kinh tế, nuôi dạy con cái. Hai bên thường xuyên cãi vã, xúc phạm danh dự, nhân phẩm nhau, không còn yêu thương, tôn trọng, chăm sóc lẫn nhau mà mỗi người đều có cuộc sống riêng của mình. Trong cuộc sống chung với gia đình vợ, ông cũng có những khúc mắc nhưng bà V không làm trung gia để hóa giải. Những mâu thuẫn này ông đã nhiều lần trao đổi với bà V nhưng không giải quyết được. Hiện ông và bà V đã ly thân. Ông nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nữa nên ông yêu cầu được ly hôn với bà V.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung là Âu Nguyễn G.N, sinh ngày 19/6/2011 và Âu Nguyễn G.T, sinh ngày 23/7/2015.

Ông Âu Chí C đồng ý giao con chung cho bà Nguyễn N.V trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Âu Chí C không cấp dưỡng cho con chung.

Về tài sản chung: Ông Âu Chí C tự khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Âu Chí C tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn N.V trình bày: Bà và ông Âu Chí C sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 17 tháng 6 năm 2011.

Bà xác định những mâu thuẫn vợ chồng như lời ông C trình bày là đúng sự thật. Bà biết với vai trò làm vợ, là dâu bản thân bà còn nhiều thiếu sót nhưng ông C không cho bà cơ hội sửa đổi. Cuối năm 2021, bà phát hiện ông C chung sống với người phụ nữ khác và ông C đã quyết định chọn sống với người đó, rồi bỏ mẹ con bà. Vì bà vẫn còn thương chồng và mong muốn hai con chung có cha. Bà không đồng ý ly hôn và sẵn sàng bỏ qua mọi chuyện để con cái có được sự chăm sóc trọn vẹn từ cha mẹ.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung là Âu Nguyễn G.N, sinh ngày 19/6/2011 và Âu Nguyễn G.T, sinh ngày 23/7/2015.

Trong trường hợp ly hôn, bà Nguyễn N.V yêu cầu trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là trẻ G.N và G.T và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn N.V tự khai tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn N.V tự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra hai bên không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm

Vụ án không tiến hành hòa giải được nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai này hôm nay

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng. Tuy nhiên, thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự; thời hạn giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng chưa đảm bảo theo quy định khoản 2 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự

Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của đương sự tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Do hôn nhân là sự tự nguyện của hai bên nhưng tình cảm vợ chồng ông C, bà V đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc dù bà V có thiện chí muốn hàn gắn hôn nhân nhưng không được ông C chấp nhận nên không có cơ sở xem xét. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông C; Về con chung: Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao 02 con chung cho bà V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung hai bên tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét qua đơn xin ly hôn của ông Âu Chí C, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định đây là vụ kiện hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn”. Bị đơn bà Nguyễn N.V có nơi cư trú tại số 1/1 Chiến Lược, phường B, quận X, Thành phố Z. Do đó, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung: Căn cứ theo giấy chứng nhận kết hôn số 123, quyền số 01/2011, ngày 17/6/2011 của Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cùng lời khai của nguyên đơn, bị đơn về việc tự nguyện kết hôn nên có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Âu Chí C và bà Nguyễn N.V là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét qua yêu cầu xin ly hôn ông Âu Chí C đối với bà Nguyễn N.V. Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, qua lời trình bày của ông C thì trong quá trình chung sống, vợ chồng ông C, bà V đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn hai bên cùng xác định do ông và bà V quá khác

biệt quan điểm sống, quan điểm kinh tế, nuôi dạy con cái nên thường xuyên cãi vã, không còn yêu thương, tôn trọng, chăm sóc lẫn nhau mà mỗi người đều có cuộc sống riêng. Bà V còn trình bày thêm, do ông C có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên lựa chọn rời bỏ mẹ con bà để chung sống với người phụ nữ đó. Đồng thời, cả hai đều thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai từ năm 2021 và đến nay, vợ chồng cũng không hàn gắn được tình cảm. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình “vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”. Tòa án đã mở phiên hòa giải để tạo cơ hội cho hai bên hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Bà V tuy có yêu cầu đoàn tụ nhưng không có phương án hàn gắn tình cảm vợ chồng mà bà chấp nhận một cuộc sống hôn nhân chỉ ràng buộc với nhau về mặt pháp lý để con bà đầy đủ sự chăm sóc của người cha. Xét thấy hôn nhân là sự tự nguyện, nay tình trạng mâu thuẫn của đôi bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông C yêu cầu được ly hôn với bà V, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông C.

[5] Về con chung: Có 02 (hai) con chung là Âu Nguyễn G.N, sinh ngày 19/6/2011 và Âu Nguyễn G.T, sinh ngày 23/7/2015. Hai bên đã thống nhất giao 02 con chung là trẻ Âu Nguyễn G.N và Âu Nguyễn G.T cho bà V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và thỏa thuận này cũng phù hợp với nguyện vọng của 02 con. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của hai bên về việc nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn N.V không yêu cầu ông Âu Chí C cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: ông C, bà V cùng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về nợ chung: ông C, bà V cùng xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thấy rằng, các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Ông Âu Chí C chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Âu Chí C đối với bà Nguyễn N.V.

Về quan hệ hôn nhân: ông Âu Chí C được ly hôn với bà Nguyễn N.V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 123, quyển số 01/2011, ngày 17/6/2011 của Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Âu Chí C và bà Nguyễn N.V không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Âu Chí C và bà Nguyễn N.V về việc giao 02 con chung là trẻ Âu Nguyễn G.N, sinh ngày 19/6/2011 và Âu Nguyễn G.T, sinh ngày 23/7/2015 cho bà V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn N.V không yêu cầu ông Âu Chí C cấp dưỡng nuôi con.

Ông Âu Chí C có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Ông Âu Chí C không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Bà Nguyễn N.V trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, sau này ông C, bà V đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: ông C, bà V cùng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về nợ chung: ông C, bà V cùng xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí: Ông Âu Chí C chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Âu Chí C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009866 ngày 26/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Âu Chí C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Bình Tân;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Linh